

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co, điều chỉnh nhẹ trong bối cảnh tâm lý nhà đầu tư thận trọng trước diễn biến điều chỉnh của thị trường tương lai chứng khoán Mỹ

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm dưới áp lực cover vị thế LONG diễn ra mạnh mẽ vào cuối phiên khi chỉ số Dow future quay đầu giảm điểm

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

MBB

[Cập nhật ngành/công ty]

Ngành gỗ: Xuất khẩu tăng trưởng mạnh

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi mở một phần trạng thái ngắn hạn ở vùng giá thấp, NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ hoặc vượt qua được vùng kháng cự trước khi tăng tỷ trọng

10/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	888.82	-0.06
VN30	825.85	+0.17
HĐTL VN30F1M	823.50	-0.78
HNXIndex	125.82	-0.09
HNX30	232.62	-0.08
UPCoM	59.03	+0.32
USD/VND	23,178	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.88	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	37.55	-1.31
Vàng (LME, \$)	1,945.81	-0.05



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 888.82 (-0.06%)
KLGD (triệu CP) 282.0 (+2.7%)
GTGD (triệu US\$) 493.1 (+90.9%)

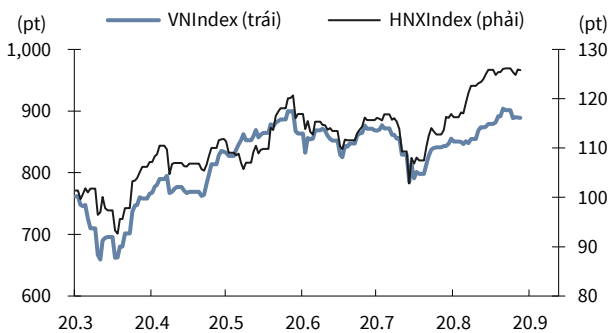
HNXIndex 125.82 (-0.09%)
KLGD (triệu CP) 47.7 (-0.2%)
GTGD (triệu US\$) 19.2 (-12.1%)

UPCoM 59.03 (+0.32%)
KLGD (triệu CP) 23.1 (-12.2%)
GTGD (triệu US\$) 8.4 (-24.3%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) 205.7

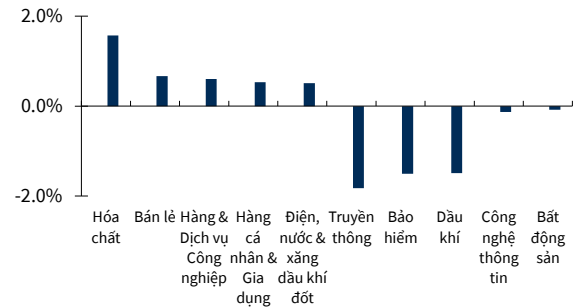
TTCK Việt Nam biến động giằng co, điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay trong bối cảnh tâm lý nhà đầu tư thận trọng trước diễn biến điều chỉnh của thị trường tương lai chứng khoán Mỹ. Cổ phiếu ngân hàng tăng điểm nhẹ ở MBB (+0.3%), TCB (+1.2%) sau khi Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW) đưa ra dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh ở mức 8% vào năm 2021. Thông tin Google sản xuất sản phẩm smartphone mới nhất, điện thoại Pixel 4a, tại Việt Nam giúp nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp tăng giá ở KBC (+0.4%), ITA (+0.2%). Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán tiếp tục giao dịch tích cực trước diễn biến tăng của thanh khoản thị trường, có thể thấy ở HCM (+0.8%), VND (+0.8%). Dự báo của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) về việc xuất khẩu cá tra vào Trung Quốc sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong các tháng cuối năm khiến nhóm cổ phiếu thủy sản điều chỉnh ở VHC (-1.2%), ANV (-3.2%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng, tập trung ở VHM (-0.6%), FUEVFVND (+0.1%), E1VFN30 (+0.2%).

VNIndex & HNXIndex



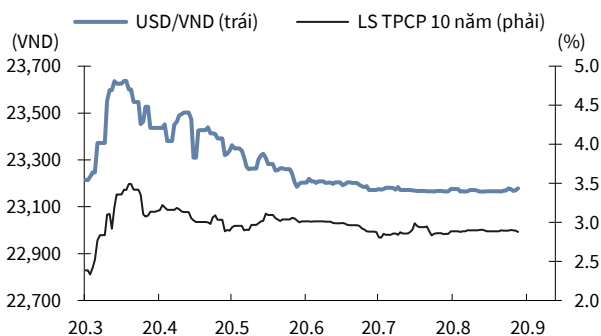
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



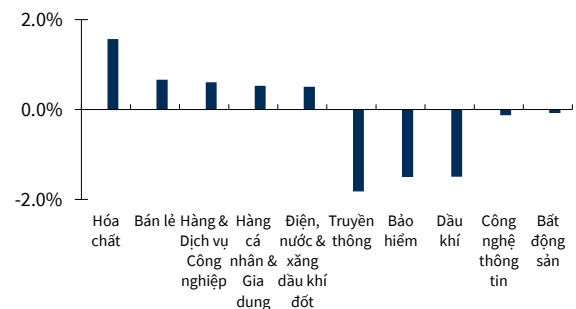
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



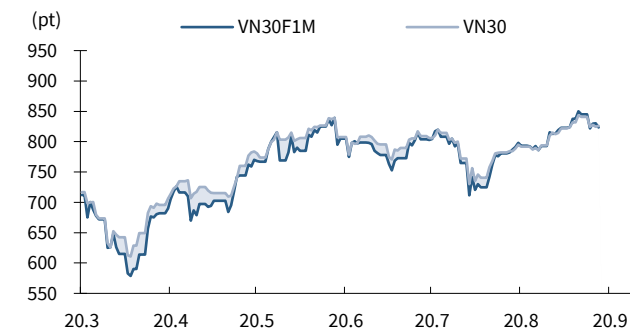
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	825.85 (+0.17%)
VN30F1M	823.5 (-0.78%)
Mở cửa	831.4
Cao nhất	836.5
Thấp nhất	823.5
KLGD (HĐ)	159,075 (-29.4%)

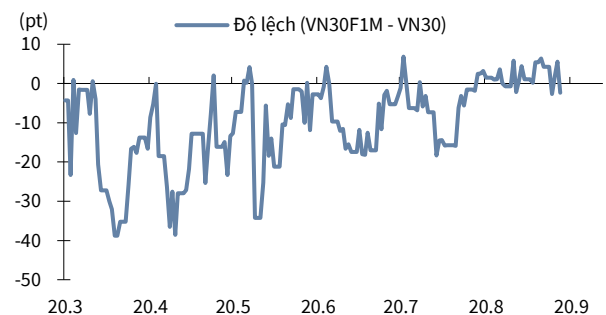
HĐTL giảm điểm dưới áp lực cover vị thế LONG diễn ra mạnh mẽ vào cuối phiên khi chỉ số Dow future quay đầu giảm điểm. Chênh lệch F2009 và VN30 mở cửa ở mức 6.98 và tăng lên mức cao nhất trong ngày ở 8.58 trước sự khởi sắc của thị trường cơ sở, trước khi giao động quanh mức 0.5 và 5.3, và đóng cửa giảm ở mức -2.35 khi NĐT cover vị thế LONG khi chỉ số Dow future giảm điểm. NĐTNN bán ròng trong khi thanh khoản giảm nhẹ trong phiên hôm nay.

HĐTL VN30F1M & VN30



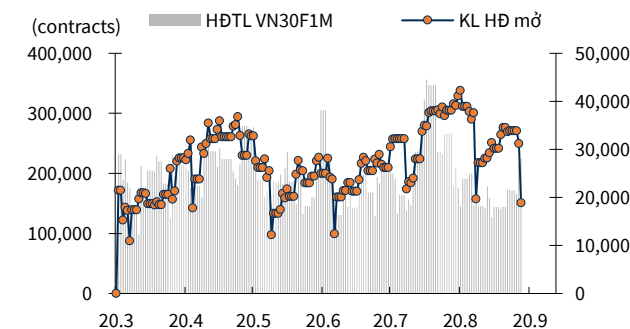
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



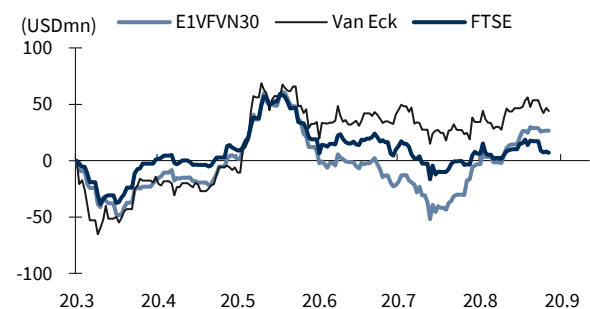
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

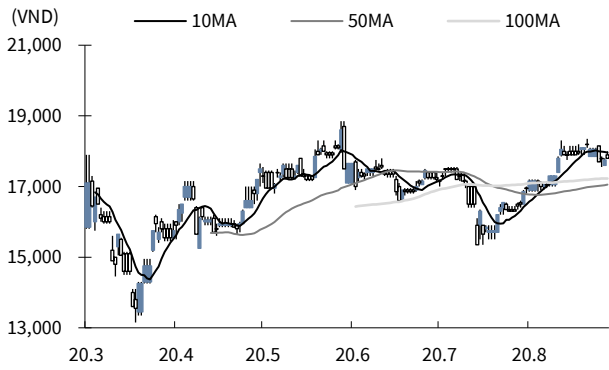
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

MBBank (MBB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB tăng 0.3% lên 17,800 VNĐ/cp.
- MBB thông báo chào bán riêng lẻ thành công 2,000 tỉ đồng chứng chỉ tiền gửi ghi danh cho khách hàng tổ chức trong tháng 8/2020. Chứng chỉ có kì hạn 7 - 9 tháng với lãi suất phát hành dao động 3.3 - 3.5%/năm. Trên thị trường, lãi suất huy động cùng kỳ hạn dao động 4.4 - 7.2%/năm.
- Tính từ đầu năm đến nay, MBB đã phát hành tổng số gần 9,850 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi từ đầu năm với lãi suất xu hướng giảm dần.

Ngành gỗ

Xuất khẩu tăng trưởng mạnh từ quý 3/2020

Xuất khẩu gỗ tăng tốc mạnh mẽ từ quý 3

— Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 8 tháng 2020 đạt hơn 7.3 tỷ USD, +10% yoy. Đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng gia tăng mạnh từ quý 3. Giá trị xuất khẩu ước tính 2 tháng 7,8 đạt gần 2.2 tỷ USD, +22%yoy. Một số tỉnh thành có tốc độ tăng trưởng đột biến so với 6 tháng đầu năm bao gồm Bình Định, Đồng Nai và Bình Dương. Chúng tôi kì vọng các doanh nghiệp gỗ trên những địa bàn này sẽ có KQKD khả quan trong quý 3 như PTB, TTF, GDT...

Đơn vị: Triệu USD	6T/2020	T7+8/2020
Bình Định		
Gỗ và sản phẩm gỗ	268.47	101.82
<i>Growth (yoy)</i>	11.36%	56.99%
Đồng Nai		
Sản phẩm gỗ	636.58	349.77
<i>Growth (yoy)</i>	-6.47%	35.45%
HCM		
Gỗ và Sản phẩm gỗ	258.1	106
<i>Growth (yoy)</i>	-4.30%	19.55%
Bình Dương		
Gỗ và Sản phẩm gỗ	1838.7	1208.3
<i>Growth (yoy)</i>	0.70%	23.32%
Cà nước		
Gỗ và sản phẩm gỗ	4982.85	2194.36
<i>Growth (yoy)</i>	3.17%	21.95%

Việt Nam hưởng lợi mạnh mẽ từ tradewar, từng bước thay thế Trung Quốc trên thị trường đồ gỗ tại thị trường Mỹ.

- Xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam sang Mỹ 7 tháng đầu năm đạt 3,3 tỷ USD +22% yoy, trong đó riêng tháng 7 đạt 712 triệu USD, +56% yoy.
- Xét riêng thị trường đồ nội thất, theo số liệu của cục thống kê Mỹ, nhập khẩu đồ nội thất của Việt Nam vào Mỹ 7 tháng đầu năm 2020 đạt hơn 2.9 tỷ USD. Thị phần đồ nội thất của Việt Nam tại Mỹ hiện đã lên gần 25%, tăng trưởng hơn gấp đôi trong vòng 5 năm vừa qua.
- Theo hướng ngược lại, do ảnh hưởng của tradewar, thị phần đồ nội thất của Trung Quốc tại Mỹ sụt giảm một nửa kể từ năm 2017.

Tại thị trường EU, Việt Nam sẽ bắt đầu hưởng lợi nhờ EVFTA từ tháng 8, tuy nhiên mức độ tác động sẽ không nhiều. Việt Nam hiện xuất khẩu tổng số 253 mặt hàng gỗ vào EU với kim ngạch trên 500 triệu USD mỗi năm. Trước khi EVFTA có hiệu lực, 117 mặt hàng đã có mức thuế nhập khẩu vào EU ở mức 0%, số mặt hàng này chiếm đến 90% kim ngạch xuất khẩu. 104 mặt hàng có mức thuế từ 1,7 - 6% trước khi EVFTA có hiệu lực sẽ được giảm thuế về 0% từ tháng 8. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này khoảng 50 triệu USD hàng năm.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

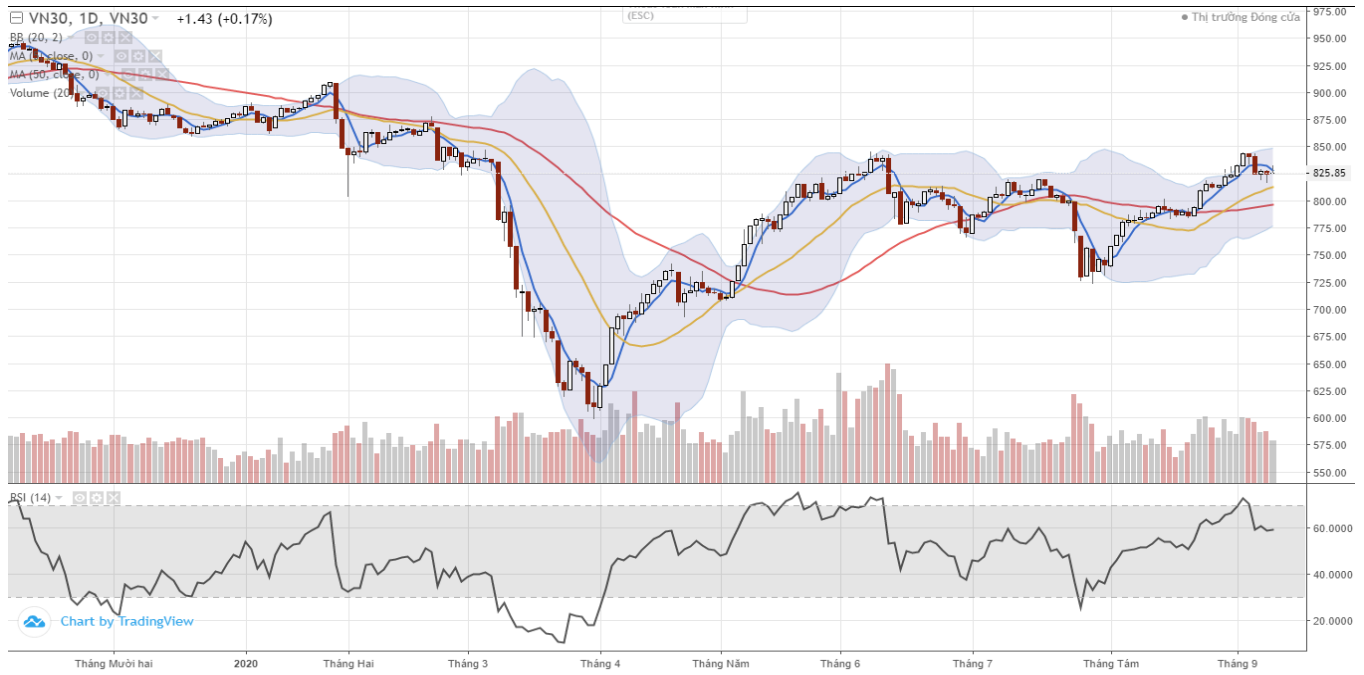
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

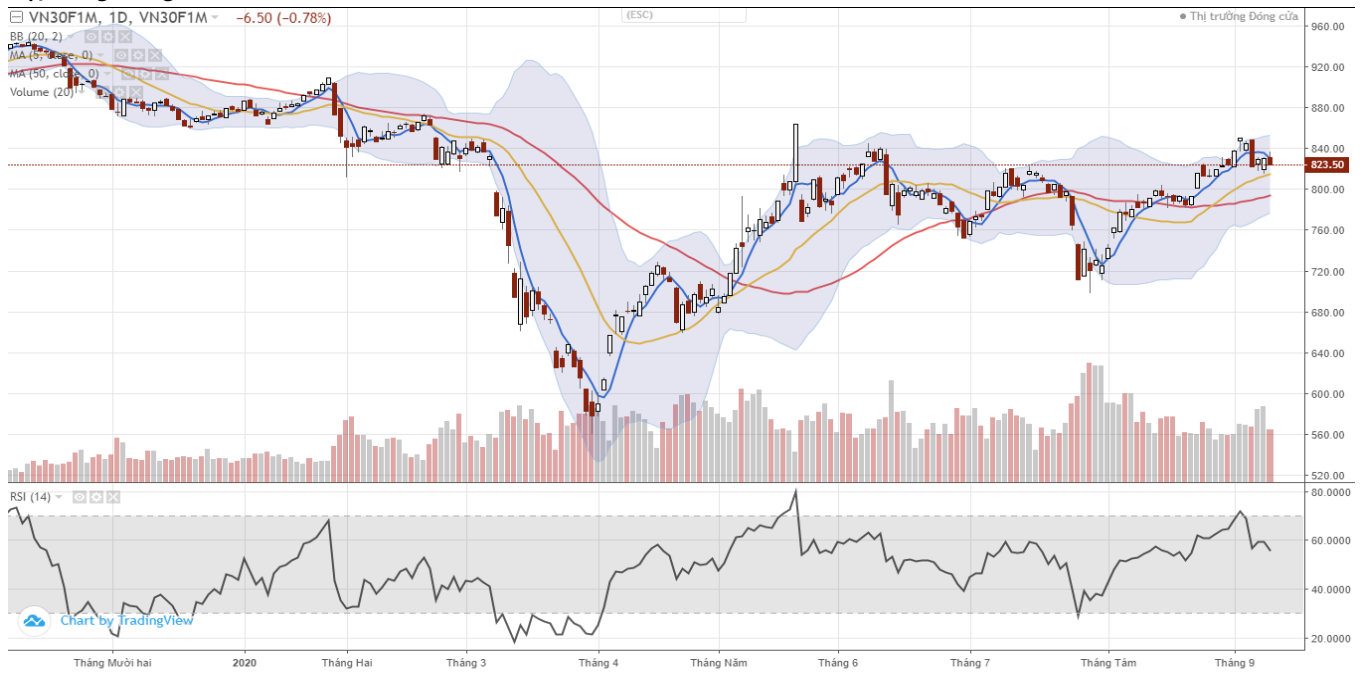
- VNIndex đã có nỗ lực phục hồi trong phiên trước khi vấp phải áp lực cung gia tăng về cuối phiên và đóng cửa với mức giảm nhẹ.
- Vùng cản gần tại 895-900 đã gây ra áp lực điều chỉnh, và đây vẫn là chốt chặn cần phải vượt qua để củng cố cơ hội kết thúc nhịp điều chỉnh của chỉ số. Hiện tại, xu hướng vẫn đang tạm thời trung tính và khả năng quay xuống vùng hỗ trợ quanh 875 vẫn đang để ngỏ.
- Sau khi mở một phần trạng thái ngắn hạn ở vùng giá thấp, NĐT được khuyến nghị chờ chỉ số quay xuống vùng hỗ trợ hoặc vượt qua được vùng kháng cự trước khi tăng tỷ trọng.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 tăng nhẹ trong khi F1 giảm điểm trong diễn biến giằng co với áp lực bán gia tăng mạnh vào cuối phiên.
- Vùng kháng cự gần 831-835 sẽ vẫn là chốt chặn cho đà hồi phục của chỉ số và nếu thất bại thì chỉ số sẽ có thể lùi xuống quanh cận dưới của vùng hỗ trợ 81x một lần nữa.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục giao dịch 2 chiều trong phiên, SHORT khi chỉ số chạm kháng cự và LONG khi chỉ số quay xuống hỗ trợ trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

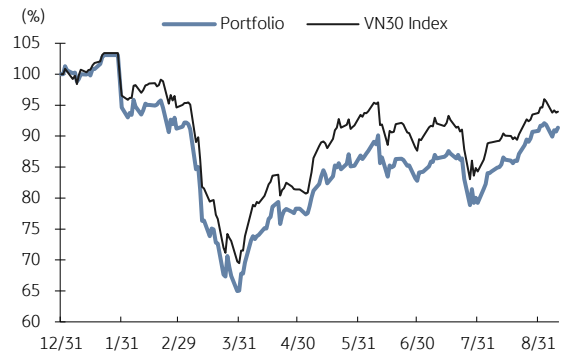
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.17%	0.72%
Tăng lũy kế (YTD)	-6.05%	-8.61%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	93,900	0.5%	-19.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,500	0.4%	2.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,800	0.5%	-22.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,800	0.3%	-9.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	39,000	5.0%	14.7%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	49,200	0.0%	47.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,300	0.0%	3.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	106,000	0.0%	-18.0%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,550	0.2%	25.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,750	0.4%	0.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.6%	20.4%	5,213.8
FUEVFNVD	0.1%	99.3%	14.8
E1VFN30	0.2%	98.6%	11.9
VRE	0.0%	30.6%	8.7
GVR	3.2%	0.6%	5.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.2%	35.1%	-246.9
VNM	0.7%	58.6%	-27.2
NBB	1.8%	10.1%	-22.0
GEX	-0.6%	15.6%	-21.0
FUESSVFL	0.1%	97.5%	-18.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHB	0.0%	6.5%	6.3
NTP	1.0%	18.9%	1.5
TIG	0.0%	14.5%	0.4
SRA	-0.7%	2.3%	0.2
VCS	-0.2%	3.1%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VMC	9.5%	2.7%	-1.4
AMV	3.5%	3.8%	-0.9
SDT	7.5%	5.9%	-0.8
PVS	0.0%	10.4%	-0.6
TNG	0.8%	5.3%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	3.3%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	2.1%	SSI, HCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.5%	REE, PAN
Ô tô và phụ tùng	1.1%	DRC, TCH
Y tế	0.8%	DMC, TRA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-5.2%	BVH, BMI
Dầu khí	-3.8%	PLX, PVD
Ngân hàng	-3.6%	VCB, BID
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.6%	GAS, POW
Truyền thông	-3.1%	PNC, NBB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	14.2%	GVR, DGC
Bán lẻ	12.8%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.2%	GEX, GMD
Dầu khí	9.0%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	8.6%	VCI, SSI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.8%	NBB, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%	GAS, TTE
Tài nguyên Cơ bản	1.1%	VIS, SHI
Bất động sản	1.9%	NVL, ITC
Ngân hàng	2.6%	VCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	90,500	306,110 (13,207)	54,966 (2.4)	22.9	49.4	36.2	21.9	6.6	8.7	3.5	3.2	0.0	-4.2	2.6	-21.3
	VHM	VINHOMES JSC	78,100	256,911 (11,084)	147,447 (6.4)	28.6	9.5	8.3	34.8	38.3	30.6	3.0	2.3	-0.6	-1.9	-1.9	-7.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,400	64,534 (2,784)	76,146 (3.3)	18.4	25.4	18.8	2.7	9.1	11.7	2.2	2.1	0.0	1.1	6.6	-16.5
	NVL	NO VA LAND INVES	62,800	60,968 (2,630)	84,764 (3.7)	32.7	16.7	17.4	1.8	14.3	11.9	2.4	-	0.0	-0.6	-3.1	5.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,950	13,383 (577)	13,303 (0.6)	6.5	12.3	10.2	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	-1.0	-4.2	2.6	-6.5
	DXG	DAT XANH GROUP	9,920	5,141 (222)	46,500 (2.0)	13.5	7.3	4.9	-29.0	7.4	14.0	0.6	0.5	1.1	-2.3	2.9	-31.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	82,100	304,499 (13,137)	98,281 (4.2)	6.5	18.1	15.1	11.8	19.9	19.6	3.1	2.6	-0.1	-4.8	0.2	-9.0
	BID	BANK FOR INVESTM	40,500	162,892 (7,028)	50,776 (2.2)	12.4	34.6	20.0	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-0.7	-4.0	6.3	-12.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,450	75,078 (3,239)	49,950 (2.2)	0.0	7.4	6.3	3.6	15.6	15.5	1.0	0.9	1.2	-2.5	10.6	-8.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,300	94,202 (4,064)	131,367 (5.7)	0.0	13.6	11.1	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	0.0	-2.5	11.0	21.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,800	55,581 (2,398)	95,274 (4.1)	0.0	7.2	6.1	1.6	16.7	16.2	1.1	0.9	-0.2	-3.8	6.8	14.0
	MBB	MILITARY COMMERC	17,800	42,923 (1,852)	87,759 (3.8)	0.0	5.9	5.0	8.0	18.0	17.6	0.9	0.8	0.3	-2.2	8.2	-14.4
	HDB	HDBANK	29,300	28,301 (1,221)	30,073 (1.3)	9.2	7.0	6.2	20.1	20.2	20.1	1.2	1.1	0.7	-1.7	10.6	6.4
	STB	SACOMBANK	11,200	20,201 (872)	89,483 (3.9)	14.3	12.4	7.9	1.6	6.8	9.0	0.7	0.7	-0.9	-1.8	5.7	11.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,250	18,985 (819)	9,046 (0.4)	0.0	6.6	5.2	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	1.1	-1.3	10.7	10.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	16,800	20,654 (891)	4,430 (0.2)	0.1	36.1	34.6	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	0.0	-2.3	-0.3	-5.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	48,300	35,854 (1,547)	44,191 (1.9)	20.7	29.3	24.8	2.6	6.3	7.7	1.8	1.8	-2.0	-6.6	6.4	-29.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,650	2,252 (097)	9,473 (0.4)	14.2	-	-	-	8.2	9.1	1.0	1.0	-0.4	-2.0	15.5	-0.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,850	9,525 (411)	77,141 (3.3)	51.8	11.0	8.8	-16.8	9.0	10.6	0.9	0.8	0.0	3.9	10.1	1.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,800	4,600 (198)	23,939 (1.0)	71.1	9.9	7.7	-24.9	11.1	13.0	1.0	0.9	-0.9	4.1	29.9	-5.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	19,850	6,056 (261)	56,545 (2.4)	51.1	13.6	8.4	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	0.8	4.5	14.4	-7.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,450	2,596 (112)	7,093 (0.3)	13.8	11.2	7.0	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	0.8	2.5	8.3	-13.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	124,700	217,150 (9,369)	165,289 (7.1)	41.4	20.9	19.4	6.6	37.8	38.2	7.3	6.5	0.7	0.0	8.9	7.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	189,000	121,202 (5,229)	23,287 (1.0)	36.8	29.9	25.8	-1.0	20.9	23.2	6.0	5.4	-0.5	-2.5	5.1	-17.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,800	64,373 (2,777)	73,677 (3.2)	10.8	72.6	27.9	-57.2	2.4	6.1	1.5	1.5	-0.4	-1.1	0.6	-3.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,500	13,857 (598)	22,097 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	2.9	3.7	-10.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	106,000	55,527 (2,396)	44,311 (1.9)	12.3	-	16.1	-	8.9	21.4	3.4	3.2	0.0	-1.5	6.0	-27.5
	GMD	GEMADEPT CORP	23,800	7,067 (305)	16,747 (0.7)	0.0	18.4	16.5	-54.7	6.9	7.5	1.2	1.2	5.5	4.6	18.7	2.1
	CII	HO CHI MINH CITY	18,000	4,299 (185)	23,846 (1.0)	34.3	12.5	11.3	108.8	7.7	7.9	0.9	0.9	1.1	-3.5	2.3	-20.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,170	1,232 (053)	13,416 (0.6)	46.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-3.1	-8.4	-87.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	25,900	12,172 (525)	158,527 (6.8)	33.4	31.7	13.6	-20.9	10.5	13.6	-	-	-0.6	2.6	21.0	33.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,800	5,630 (243)	49,837 (2.2)	2.3	9.7	9.7	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	0.7	-1.9	-4.4	43.9
	REE	REE	39,000	12,092 (522)	16,387 (0.7)	0.0	7.9	7.0	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	5.0	4.0	12.9	7.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	72,000	137,804 (5,945)	49,254 (2.1)	45.7	18.4	14.4	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	0.4	-5.0	2.1	-23.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,350	6,722 (290)	5,199 (0.2)	30.2	9.6	9.5	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.5	2.0	1.5	7.1	7.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,450	7,839 (338)	5,214 (0.2)	32.8	8.4	8.9	-8.9	15.5	14.5	1.3	1.3	0.2	3.2	5.4	-9.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,550	81,341 (3,509)	296,434 (12.8)	13.9	8.6	7.2	3.7	18.1	19.4	1.5	1.3	0.2	-1.8	1.0	25.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,850	6,594 (284)	62,275 (2.7)	37.9	11.0	11.7	-0.7	8.8	7.9	0.8	0.8	-0.6	4.0	23.4	30.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	9,350	4,950 (214)	19,109 (0.8)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	1.1	11.8	43.8
	HSG	HOA SEN GROUP	11,850	5,265 (227)	100,753 (4.3)	39.7	6.3	6.4	45.8	14.4	12.5	0.8	0.7	-1.7	-0.8	3.9	59.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,600	2,661 (115)	40,957 (1.8)	97.6	5.9	6.8	45.6	13.3	10.5	0.7	0.6	-0.8	0.8	9.1	-0.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,100	60,411 (2,606)	74,455 (3.2)	4.5	48.7	17.9	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	-1.6	-3.8	10.8	-10.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,850	4,569 (197)	65,392 (2.8)	37.1	42.6	21.8	-15.6	0.9	0.8	0.3	0.3	-0.5	-4.0	4.8	-27.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	11,600	3,265 (141)	21,890 (0.9)	28.2	7.6	6.7	-18.0	9.2	9.9	0.6	0.6	0.9	-2.1	13.7	-31.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,900	42,507 (1,834)	85,199 (3.7)	0.0	12.0	9.4	9.5	26.8	27.4	2.8	2.3	0.5	-0.9	18.9	-17.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,800	13,462 (581)	38,589 (1.7)	0.0	15.3	12.8	-1.8	21.3	23.2	2.7	2.5	0.5	-2.6	8.1	-30.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,200	1,452 (063)	700 (0.0)	69.3	20.7	15.1	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	-1.6	-3.0	-0.1	33.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	24,450	1,931 (083)	14,873 (0.6)	13.3	16.3	11.1	-41.1	9.1	12.6	1.4	1.2	4.0	2.7	7.2	16.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,500	7,927 (342)	82,880 (3.6)	36.2	7.5	7.2	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	0.3	1.6	8.3	53.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	102,900	13,454 (580)	1,290 (0.1)	45.3	20.2	18.6	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	0.5	0.4	6.4	12.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,000	5,251 (227)	3,579 (0.2)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.0	10.2	28.9
IT	FPT	FPT CORP	49,200	38,568 (1,664)	91,451 (3.9)	0.0	11.3	9.7	18.3	23.9	25.0	2.4	2.1	0.0	-2.4	4.2	-3.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.